

Bản án số: 300/2026/HS-ST

Ngày: 13-5-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Hương Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Võ Thị Nam.

2/ Bà Phạm Thị Thanh Mẫn.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Huy Phúc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Yến Như – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 5 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 430/2026/HSST ngày 09/4/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2723/2026/QĐXXST-HS ngày 23/4/2026, đối với các bị cáo:

1/ Họ và tên: **Ma C**; sinh ngày 30/3/1976 tại Trung Quốc; nơi thường trú: Thành phố T, tỉnh Liêu Ninh, Trung Quốc; chỗ ở: Phòng O1 16.01 Chung cư H, số B đường B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Xibe; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Trung Quốc; con ông Ma Tie A và bà Fan Iu Z; bị cáo có vợ tên A L, sinh năm 1993 (vợ thứ hai) và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1993, nhỏ nhất sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/3/2025. (Có mặt tại phiên tòa)

2/ Họ và tên: **Li C1**; sinh ngày 10/02/1978 tại Trung Quốc; nơi thường trú: Số G, phố Đ, thành phố S, tỉnh Cát Lâm, Trung Quốc; chỗ ở: Không có nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Hán; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Trung Quốc; con ông Li Zing F và bà Pi Shu Z1; bị cáo có vợ tên Yi L1 (không rõ năm sinh) và có 01 con sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/3/2025. (Có mặt tại phiên tòa)

3/ Họ và tên: **Fan G**; sinh ngày 21/4/1986 tại Trung Quốc; nơi thường trú: Tổ B, thôn V, trấn T, huyện L, tỉnh Cát Lâm, Trung Quốc; chỗ ở: Phòng O1 16.01

Chung cư H, số B đường B hai, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Hán; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Trung Quốc; con ông Fan D (đã chết) và bà Wang X (đã chết); bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/3/2025. (Có mặt tại phiên tòa)

4/ Họ và tên: **Lê Thị Bích X1**; sinh ngày 08/3/1990 tại thành phố Cần Thơ; nơi thường trú và chỗ ở: Khu vực Q, phường T, quận T (nay là phường T), thành phố Cần Thơ; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn E (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ngọc N; bị cáo có chồng tên Bùi Văn T (đã ly hôn) và có 01 con sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/3/2025. (Có mặt tại phiên tòa)

5/ Họ và tên: **Huỳnh Văn T1**; sinh ngày 20/6/1995 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); nơi thường trú: Thôn V, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là xã A, tỉnh Gia Lai); chỗ ở: không có nơi cư trú nhất định; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh L2 (Đã chết) và bà Trần Thị N1; bị cáo có vợ tên Lê Thanh T2, sinh năm 1977 (đã ly hôn) và có 02 người con, con lớn sinh năm 2019, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/3/2025. (Có mặt tại phiên tòa)

6/ Họ và tên: **Trần Sinh P**; sinh ngày 13/10/1989 tại tỉnh Gia Lai; nơi thường trú: Thôn X, xã A, tỉnh Gia Lai; chỗ ở: 29/27/8 N, Khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: tài xế; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình P1 và bà Dương Thị Thúy P2; bị cáo có vợ tên Trần Thị Ngọc H, sinh năm 1982 và có 02 người con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 21/7/2025. (Có mặt tại phiên tòa)

7/ Họ và tên: **Nguyễn Thanh V**; sinh ngày 12/02/1994 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); nơi thường trú: thôn V, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là xã A, tỉnh Gia Lai); chỗ ở: số G, đường số E, khu phố N, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là phường D, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P3 và bà Võ Thị H1; bị cáo có vợ tên Võ Thụy Hoàng O, sinh năm 1993 và có 01 người con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/3/2025. (Có mặt tại phiên tòa)

8/ Họ và tên: **Nguyễn Thành L3**; sinh ngày 10/7/1997 tại tỉnh Bình Định (nay là tỉnh Gia Lai); nơi thường trú: Thôn V, xã A, huyện H, tỉnh Bình Định (nay là xã A, tỉnh Gia Lai); chỗ ở: Nhà không số (kế nhà số C), Ấp A, xã P, huyện B (nay là xã T), Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: thợ hàn; trình độ học vấn:

7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông (không rõ) và bà Nguyễn Thị T3; bị cáo sống chung như vợ chồng với bà Nguyễn Thị Thục U và có 02 con, con lớn sinh năm 2021, con nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 04/3/2025. (Có mặt tại phiên tòa)

Người bào chữa:

1/ Bà Nguyễn Thị Xuân M, Luật sư của Công ty L7, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H, bào chữa cho bị cáo Ma C. (Có mặt tại phiên tòa)

2/ Bà Phạm Thị Thanh T4, Luật sư của Văn phòng L8, thuộc Đoàn luật sư Thành phố H, bào chữa cho các bị cáo Li C1 và Fan G. (Có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Ye Sun J, sinh năm 1988 (Quốc tịch: Trung Quốc); nơi thường trú: số A, thôn T, trấn Đ, khu L, huyện Ô, tỉnh Triết Giang, Trung Quốc; chỗ ở: Chung cư S, số F P, phường T, Quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh (Đã bị trục xuất theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 4154/QĐ-XPHC ngày 28/4/2025 của Công an Thành phố H) (Vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

A1, sinh năm 1985 (Quốc tịch: Trung Quốc); nơi cư trú: Tòa G, tiểu khu T, huyện T, T, Trung Quốc. (Vắng mặt tại phiên tòa)

2/ Xia Chunnen, sinh năm 1990 (Quốc tịch: Trung Quốc); nơi cư trú: G V, đường Đ, khu L, thành phố Ô, T, Trung Quốc. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Người làm chứng:

1/ Lê Văn S, sinh năm 1978; nơi cư trú: 5i18 ấp E, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

2/ Nguyễn Văn V1, sinh năm 1981; nơi cư trú: A ấp A, xã T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

3/ Li LeMan, sinh năm 1990 (Quốc tịch: Trung Quốc); nơi thường trú: Thành phố Ô, tỉnh Chiết Giang, Trung Quốc; chỗ ở: F, S, phường T, Quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt tại phiên tòa)

Người phiên dịch cho các bị cáo Ma C, Li C1 và Fan G: Bà Lầu Cún D1, phiên dịch viên của Công ty TNHH D2, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ma C (quốc tịch Trung Quốc) được Huang X2 (quốc tịch Trung Quốc, chưa rõ lai lịch) thuê đến Việt Nam tìm kiếm anh Ye Sun J (quốc tịch Trung Quốc) để đòi nợ. Sau đó, Ma C thuê Li C1 và Fan G (cùng quốc tịch Trung Quốc) đến Việt Nam để đi tìm anh Ye Sun J đòi nợ. Để thuận tiện trong việc giao tiếp, Li C1 thuê

Lê Thị Bích X1 với giá 20.000.000 đồng để làm người phiên dịch và hỗ trợ nhóm của Ma C trong việc bắt anh Ye Sun J đòi nợ.

Ngày 09/02/2025, Ma C và Lê Thị Bích X1 từ nước Lào về Việt Nam và thuê Phòng O1 16.01 chung cư H, địa chỉ tại số B đường B, Phường A, Quận A (nay là phường H), Thành phố Hồ Chí Minh để ở. Sau đó, thông qua Lê Văn S (chú họ của X1) thì X1 quen với Nguyễn Văn V1. Khi S, V1 gặp X1 và nhóm người Ma C thì X1 nhờ V1 tìm người giúp nhóm của Ma C đi tìm anh Ye Sun J Qua để đòi nợ. Do V1 không biết ai nên giới thiệu Trần Sinh P cho Lê Thị Bích X1. Sau đó, X1 liên lạc trao đổi với Trần Sinh P. Qua trao đổi, X1 thuê P giúp nhóm của Ma C tìm kiếm, theo dõi và bắt anh Ye Sun J và hứa sẽ chia cho P số tiền 150.000.000 đồng tiền công, P đồng ý.

Sau khi P thỏa thuận với Lê Thị Bích X1 xong, P liên hệ Đỗ Ngọc T5 để thuê người tìm kiếm, theo dõi và bắt anh Ye Sun J. Ngày 16/02/2025, thông qua Đỗ Ngọc T5, Trần Sinh P thuê Huỳnh Văn T1, đồng thời P kêu T1 tìm thêm người đi cùng, T1 đồng ý, sau đó, T1 rủ Nguyễn Thành L3 và Nguyễn Thanh V cùng đi tìm kiếm, bắt anh Ye Sun J.

Đến ngày 11/02/2025, Li C1 nhập cảnh vào Việt Nam rồi đến ở cùng với Ma C và X1. Đến ngày 20/02/2025, Fan G1 và Huang X2 cũng nhập cảnh vào Việt Nam và đến ở cùng với nhóm của Ma C để tìm kiếm anh Ye Sun J đòi nợ.

Đến tối ngày 27/02/2025, Li C1 điều khiển xe mô tô hiệu Honda Airblack, biển số 52Y6-1197 chở Ma C đi lòng vòng tìm kiếm anh Ye Sun J thì phát hiện anh Ye Sun J đang ăn uống với bạn bè bên khu vực Quận G (cũ). Li C1 và Ma C gọi Z2 và gửi vị trí của anh Ye Sun J cho X1 để X1 kêu P và T1 đến Quận G theo địa chỉ mà Li C1 và Ma C đã gửi. Đồng thời, Li C1 và Ma C dặn nếu bắt được J thì phải lục túi lấy hết tiền và điện thoại trong người anh Ye Sun J. Sau đó, X1 gọi Z2 cho P và T1, nhưng chỉ có T1 bắt máy nên X1 gửi vị trí của anh Ye Sun J cho T1 và thông báo lại nội dung “Li C1 và Ma C dặn nếu bắt được J thì phải lục túi lấy hết tiền và điện thoại trong người anh Ye Sun J” cho T1 biết và kêu T1 đến địa chỉ đã gửi để bắt anh Ye Sun J. Sau khi nghe điện thoại, T1 gọi Z2, gửi vị trí cho V và điện thoại cho L3 để cùng đi. Sau đó, L3 bắt xe G2 đến nhà trọ của T1 tại địa chỉ nhà không số, đường N, xã V, huyện B (nay là xã V), Thành phố Hồ Chí Minh rồi cùng T1 đón xe G3 ô tô qua khu vực Quận G (cũ). Khi đến đường N-Bắc thuộc Quận G, L3 và T1 thấy V đang ngồi đợi trên xe ô tô hiệu Hyundai biển số 77E-009.32 nên cả hai lên xe của V. T1 kêu V lái xe đến đường B để gặp X1, khi đến nơi nhóm của T1 gặp X1 cùng Fan G1 và Huang X2. Tại đây, X1 lên xe ngồi ghế phụ, Fan G1 và Huang X2 ngồi ghế sau cùng L3 và T1. Lúc này, X1 nói với nhóm của T1 sẽ đi bắt anh Ye Sun J, cả nhóm đồng ý.

Khoảng 10 phút sau, Li C1 điều khiển xe mô tô hiệu Honda Airblack, biển số 52Y6-1197 chở Ma C đến, X1 kêu V lái xe đi theo Li C1 thì thấy 01 chiếc xe ô tô 7 chỗ màu trắng nên cả nhóm dừng lại theo dõi. Một lúc sau, anh Ye Sun J cùng vợ là chị Li L4 (quốc tịch Trung Quốc) và bạn lên xe ô tô 7 chỗ (không rõ loại xe, biển số) thì X1 chỉ cho nhóm của T1 biết người mặc quần đen, áo trắng là người cần bắt rồi xuống xe, L3 từ ghế phía sau lên ghế phụ ngồi. Khi xe ô tô 7

chỗ chờ anh Ye Sun J rồi đi thì V điều khiển xe ô tô đuổi theo. Khi đến trước số 1 Đường số I, Khu phố D, phường T, Quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh, V điều khiển xe ô tô chặn đầu xe ô tô 7 chỗ của anh Ye Sun J, Fan G1 xuống xe xông đến mở cửa xe kéo anh Ye Sun J ra khỏi xe, Huang X2 khống chế tài xế xe 7 chỗ. Do anh Ye Sun J ôm cửa xe nên T1 và L3 xuống xe để hỗ trợ. T1 và L3 kéo tay của anh Ye Sun J nhưng anh Ye Sun J la hét, chống cự nên Fan G1 dùng dao dìm vào người anh Ye Sun J. Sau đó, T1 kẹp cổ, L3 kéo tay, Fan G1 đẩy phía sau ép anh Ye Sun J lên xe ô tô của V rồi tẩu thoát. Khi lên xe, Fan G1 ngồi ghế phụ dùng dao đe dọa, L3 ngồi ghế phía sau bên phải, anh Ye Sun J ngồi ở giữa, còn T1 ngồi ở phía bên trái. L3 thấy Fan G1 cầm dao nên đã ra hiệu để Fan G1 đưa dao cho L3 cầm, khi lấy được dao L3 bỏ vào hộc bên hông cửa xe bên phải. Khi xe chạy đến khu vực Quận E (cũ), Fan G xuống xe còn V tiếp tục chở T1, L3 và anh Ye Sun J đến xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (cũ) rồi gửi định vị cho X1 đến.

Khoảng 15 phút sau, Li C1 điều khiển xe máy chở Ma C đến, hai người này kêu anh Ye Sun J ra ngoài nói chuyện, cách xe ô tô của V khoảng 40 đến 50m. Khoảng 01 giờ sau, Fan G1 cùng X1 đi taxi đến, Fan Gouhui vào đứng nói chuyện với Ma C, Ling C2 và anh Ye Sun J còn T1, X1, L3 và V ngồi ngoài chờ. Nhóm của Ma C dùng dao, búa đe dọa buộc anh J chuyển số tiền 10.000.000 USDT thì sẽ thả về, nhưng do trời đang tối nên không thể kiểm được số tiền điện tử lớn như vậy nên anh Ye Sun J xin giảm xuống còn 2.000.000 USDT nhưng nhóm người Ma C không chịu mà đòi số tiền 5.000.000 USDT, đồng thời yêu cầu anh J chuyển trước số tiền 2.000.000 USDT, còn lại 3.000.000 USDT sẽ chuyển sau. Sau khi thỏa thuận xong, Li C1 đã đưa điện thoại để anh Ye Sun J liên lạc cho người thân và bạn bè để chuyển khoản tiền USDT vào số tài khoản mà nhóm của Ma C cung cấp (nhưng anh Ye Sun J chỉ gom được 200.000USDT). Sau khi chuyển số tiền 200.000 USDT xong, nhóm Ma C dẫn anh Ye Sun J ra gặp nhóm của X1. Sau đó, X1 kêu V chở 04 người Trung Quốc đến chỗ khác để nói chuyện và kêu L3 chở X1 và T1 dẫn đường cho V. Khi đến đường K trên đường T, xã X, huyện H (giáp ranh xã Phạm Văn H2, huyện B (cũ), V dừng xe ô tô để Ma C, Li C1, Fan G1 và anh Ye Sun J xuống. Lúc này, X1 nhờ V chở đi kiếm nhà nghỉ để thuê, còn L3 chạy xe máy theo, còn T1 và Ma C, Li C1, Fan G1, anh Ye Sun J đi vào bãi đất trống để tiếp tục đòi nợ. Tại đây, nhóm của Ma C tiếp tục đe dọa buộc anh Ye Sun J phải gọi điện thoại cho người thân chuyển thêm tiền USDT. Do lo sợ bị đánh, anh Ye Sun J đã điện thoại cho người thân và bạn bè nhờ chuyển thêm số tiền hơn 400.000 USDT vào tài khoản do nhóm của Ma C chỉ định. Sau khi chuyển khoản xong, L3 chở X1 mua đồ ăn về cho cả nhóm thì bị lực lượng chức năng phát hiện bắt giữ, riêng Nguyễn Thành L3 tẩu thoát.

Quá trình điều tra, các bị cáo Ma C, Fan G, Li C1, Lê Thị Bích X1, Huỳnh Văn T1, Nguyễn Thanh V, Nguyễn Thành L3 và Trần Sinh P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên, phù hợp lời khai bị hại, nội dung tin nhắn cùng các chứng cứ tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

*** Về vật chứng:**

1. Thu giữ của Ma C: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max.
2. Thu giữ của Li C1:
 - 01 chiếc búa đóng đinh, cán bằng gỗ.
 - 01 chiếc kìm cán bọc nhựa màu đỏ.
 - 01 điện thoại di động hiệu Huawei.
 - 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12.
 - 01 xe máy hiệu Honda Airblack, biển số 52Y6-1197.
3. Thu giữ của Fan G:
 - 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno, màu xanh.
 - 01 con dao.
4. Thu giữ của Nguyễn Thanh V: 01 xe ô tô hiệu Hyundai màu trắng, biển số 77E-009.32.
5. Thu giữ của Lê Thị Bích X1: 01 điện thoại Oppo A2 Pro G5.
6. Thu giữ của Huỳnh Văn T1: 01 điện thoại di động hiệu Iphone X.
7. Thu giữ của Nguyễn Thành L3:
 - 01 điện thoại di động hiệu Iphone màu trắng
8. Tại nơi xảy ra sự việc bắt anh Ye Sun J: Thu giữ 01 điện thoại di động có chữ Trung Quốc.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Sau khi sự việc xảy ra, anh Ye Sun J yêu cầu nhóm Ma C trả lại số tiền 600.000 USDT.

Tại bản Cáo trạng số 526/CT-VKS-P2 ngày 13 tháng 01 năm 2026, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố các bị cáo như sau:

- Truy tố các bị cáo Ma C, Fan G, Li C1, Lê Thị Bích X1 và Huỳnh Văn T1 về tội “Bắt người trái pháp luật” và “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 157 và khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Truy tố các bị cáo Nguyễn Thanh V, Nguyễn Thanh L5 và Trần Sinh P về tội “Bắt người trái pháp luật” theo điểm a khoản 2 Điều 157 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu tại Bản cáo trạng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh trình bày lời luận tội:* Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi, vai trò, hậu quả của tội phạm mà các bị cáo gây ra cũng như đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung truy tố các bị cáo về các tội “Bắt người trái pháp luật” thuộc trường hợp

“Có tổ chức” theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự. Ngoài ra, theo Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính Phủ; Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính Phủ và Công văn số 5747/NHNN-PC ngày 21/7/2017 của Ngân hàng N2 xác định “*Tiền ảo nói chung và B, L6, USDT nói riêng không phải là phương tiện Thanh toán theo quy định của pháp luật Việt Nam*”, nên Viện kiểm sát truy tố các bị cáo Ma C, Fan G, Li C1, Lê Thị Bích X1, Huỳnh Văn T1 về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 là có căn cứ, đúng pháp luật.

1/ Về hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 55 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Xử phạt bị cáo Ma C từ 4 đến 5 năm tù về tội “Bắt người trái pháp luật”; từ 3 đến 4 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội danh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là từ 7 đến 9 năm tù.

+ Xử phạt bị cáo Fan G từ 3 đến 4 năm tù về tội “Bắt người trái pháp luật”; từ 2 đến 3 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội danh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là từ 5 đến 7 năm tù.

+ Xử phạt bị cáo Li C1 từ 3 đến 4 năm tù về tội “Bắt người trái pháp luật”; từ 2 đến 3 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội danh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là từ 5 đến 7 năm tù.

+ Xử phạt bị cáo Lê Thị Bích X1 từ 3 đến 4 năm tù về tội “Bắt người trái pháp luật”; từ 2 đến 3 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội danh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là từ 5 đến 7 năm tù.

+ Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T1 từ 2 đến 3 năm tù về tội “Bắt người trái pháp luật”; từ 1 đến 2 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội danh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là từ 3 đến 5 năm tù.

- Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh V từ 2 đến 3 năm tù, về tội “Bắt người trái pháp luật”.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành L3 từ 2 đến 3 năm tù, về tội “Bắt người trái pháp luật”.

+ Xử phạt bị cáo Trần Sinh P từ 2 đến 3 năm tù, về tội “Bắt người trái pháp luật”.

2/ Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung quỹ các công cụ, phương tiện mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội; các vật chứng khác không có giá trị thì đề nghị tịch thu, tiêu hủy.

3/ Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại yêu cầu các bị cáo phải bồi thường số tiền 600.000 USDT. Xét yêu cầu của bị hại là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Bị cáo Lê Thị Bích X1 tự bào chữa như sau:

Bị cáo chỉ là người phiên dịch cho các bị cáo khác, chứ bị cáo không trực tiếp tham gia bắt người trái pháp luật và cưỡng đoạt tài sản. Ban đầu bị cáo không nhận thức được hành vi của mình là sai, nhưng nay bị cáo đã nhận thức được mình đã vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Các bị cáo Huỳnh Văn T1, Nguyễn Thanh V, Nguyễn Thành L3 và Trần Sinh P không tự bào chữa và không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

- Luật sư Nguyễn Thị Xuân M bào chữa cho bị cáo Ma C như sau:

Luật sư thống nhất với tội danh mà Cáo trạng truy tố đối với bị cáo, nhưng mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là quá nặng. Mặc dù bị cáo Ma C là người chủ mưu, tổ chức bắt người bị hại, nhưng bị cáo không sử dụng hung khí, không trực tiếp gây thương tích và tra tấn bị hại; khi bị hại chuyển tiền thì bị cáo không biết đã chuyển tiền hay chưa và không biết số tiền bị hại chuyển là bao nhiêu, mà bị hại trực tiếp trao đổi với người chủ nợ. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hợp tác với các cơ quan tiến hành tố tụng; bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; bị hại là tội phạm truy nã của Trung Quốc và lẩn trốn tại Việt Nam, nên việc bị cáo giúp Cơ quan điều tra tìm ra bị hại là đã lập công chuộc tội và được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Về số tiền các bị cáo chiếm đoạt của bị hại chưa được Cơ quan điều tra xác định rõ do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có nhiều lời khai khác nhau nên không đủ căn cứ để buộc các bị cáo phải trả tiền cho bị hại. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm s, u khoản 1 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự để tuyên bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo Ma C có đồng ý với lời bào chữa của Luật sư, bào chữa bổ sung như sau: Bị cáo là người Trung Quốc nên không biết pháp luật Việt Nam, bị cáo không biết bị hại chuyển tiền cho ai và chuyển bao nhiêu tiền, nay bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

- Luật sư Phạm Thị Thanh T4 bào chữa cho các bị cáo Li C1 và Fan G như sau:

Luật sư thống nhất với tội danh mà Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo Li C1 và Fan G, đồng thời thống nhất với ý kiến bào chữa như Luật sư Nguyễn Thị Xuân M về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà các bị cáo Li C1 và Fan G được hưởng giống như bị cáo Ma C, nhưng đề nghị xem xét mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là quá nặng. Bởi lẽ, các bị cáo là người Trung Quốc nên có nhận thức pháp luật hạn chế; các bị cáo chỉ nghĩ bắt người để đòi nợ chứ không nghĩ vi phạm pháp luật; các bị cáo đã thành khẩn khai báo và giúp Cơ quan điều tra bắt bị hại là tội phạm đang bị truy nã nên đã lập công chuộc tội, do đó đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, u khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật hình sự để tuyên các bị cáo mức án thấp nhất của khung hình phạt. Về hành vi cưỡng đoạt tài sản, các bị cáo Li C1 và Fan G mang theo vũ khí nhưng không có ý định sử dụng nhằm đe dọa, đánh đập hoặc

tác động vật lý đối với bị hại; việc bị hại trả tiền cho chủ nợ là do bị hại trực tiếp trao đổi với chủ nợ, chứ các bị cáo không biết bị hại đã trả cho chủ nợ bao nhiêu tiền nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét. Ngoài ra, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo trả lại tiền cho bị hại là không căn cứ, do tiền điện tử không được pháp luật Việt Nam công nhận.

Các bị cáo Li C1 và Fan HuoGui đồng ý với bài bào chữa của Luật sư, không bào chữa bổ sung mà chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

- Đại diện Viện kiểm sát đối đáp quan điểm bào chữa của các luật sư như sau: Do các bị cáo mang theo vũ khí nhưng không nhằm mục đích gây thương tích cho bị hại nên mới bị truy tố về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, nếu các bị cáo có hành vi tác động vật lý thì đã phạm vào một tội khác nặng hơn. Các Luật sư cho rằng các bị cáo phạm tội để lập công chuộc tội cho một tội phạm khác và đề nghị áp dụng điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, Viện kiểm sát nhận thấy việc bị hại là đối tượng truy nã tại Trung Quốc nhưng tại Việt Nam, hành vi của các bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật và Ye Sun J vẫn được xác định là bị hại trong vụ án, đồng thời cho rằng các bị cáo phạm tội do có nhận thức pháp luật hạn chế là không có căn cứ. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nhằm răn đe các bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội. Các bị cáo chỉ có một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không đủ điều kiện áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự.

- Luật sư Nguyễn Thị Xuân M đối đáp với đại diện Viện kiểm sát như sau: Bị hại là đối tượng truy nã của Chính phủ Trung Quốc và lần trốn vào Việt Nam, nên Luật sư giữ nguyên quan điểm đề nghị áp dụng điểm u khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo chỉ là người làm thuê, không có nghề nghiệp ổn định, nên không nhận thức được hành vi bắt người khác để đòi nợ là vi phạm pháp luật. Về phần dân sự, số tiền bị chiếm đoạt mà bị hại đưa ra là chưa chính xác và chưa được Cơ quan điều tra làm rõ, đồng thời các bị cáo không trực tiếp nhận số tiền này nên đề nghị không buộc các bị cáo phải trả tiền cho bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát và các Luật sư đều bảo lưu quan điểm và không tranh luận nội dung nào khác.

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại, người bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung, các bị cáo, bị hại đều trình bày lời khai hoàn

toàn tự nguyện, không bị ép cung, nhục hình. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra cũng như xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, các bị cáo đều khai nhận về hành vi phạm tội như nội dung Cáo trạng đã truy tố. Xét, lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau; phù hợp với lời khai của bị hại; phù hợp với biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, dữ liệu trích xuất camera, sơ đồ hiện trường; biên bản nhận dạng cùng các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định:

[2.1] Xuất phát từ mục đích đòi nợ thuê cho Huang X2 để hưởng tiền công, bị cáo Ma C đã bàn bạc và thuê các bị cáo Li C1, Lê Thị Bích X1, Trần Sinh P, Huỳnh Văn T1, Nguyễn Thành L3, Nguyễn Thanh V tìm kiếm, theo dõi và bắt anh Ye Sun J, nhằm chiếm đoạt tài sản. Cùng mục đích này, bị cáo Fan G đã nhập cảnh vào Việt Nam và cùng bị cáo Ma C thực hiện hành vi theo chỉ đạo của người thuê (không rõ lai lịch). Vào ngày 27/02/2025, tại trước số I Đường số I, Khu phố D, phường T, Quận G (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo Fan G, Huỳnh Văn T1, Nguyễn Thanh V và Nguyễn Thành L3 cùng Huang X2 đã có hành vi dùng vũ lực, khống chế để bắt anh Ye Sun J trái pháp luật, cụ thể: Bị cáo Nguyễn Thanh V điều khiển xe ô tô chặn đầu xe ô tô 7 chỗ của anh Ye Sun J; Huang Xunjun khống chế tài xế xe 7 chỗ; bị cáo Fan G1 xông đến mở cửa xe kéo anh Ye Sun J ra khỏi xe và dùng dao dí vào người anh Ye Sun J; bị cáo Huỳnh Văn T1 kẹp cổ và cùng với bị cáo Nguyễn Thành L3 lôi kéo, bắt anh Ye Sun J lên xe ô tô của V rồi đưa anh Ye Sun J đến xã M, huyện Đ, tỉnh Long An (cũ).

[2.2] Trong vụ án này, bị cáo Ma C là người chủ mưu, trực tiếp khởi xướng việc lên kế hoạch và thuê người tìm kiếm, theo dõi và bắt anh Ye Sun J. Các bị cáo Li C1, Lê Thị Bích X1 và Trần Sinh P là các đồng phạm giúp sức tích cực cho bị cáo Ma C trong việc thực hiện hành vi phạm tội, trong đó bị cáo Li C1 là người cùng Ma C lên kế hoạch bắt, đe dọa anh Ye Sun J phải chuyển tiền, đồng thời, theo dõi các hoạt động của anh Ye Sun J để thông báo cho đồng bọn đến bắt anh Ye Sun J, rồi đưa anh Ye Sun J đến khu vực vắng người để đe dọa, ép buộc anh Ye Sun J phải chuyển tiền; bị cáo Lê Thị Bích X1 là người phiên dịch cho các bị cáo Ma C, Fan G và Li C1, có hành vi tìm kiếm người, triển khai kế hoạch bắt anh Ye Sun J để đồng bọn đe dọa cưỡng ép anh Ye Sun J phải chuyển tiền; bị cáo Trần Sinh P không trực tiếp tham gia bắt anh Ye Sun J nhưng có hành vi giúp sức, giới thiệu, triển khai kế hoạch để các bị cáo trong vụ án bắt giữ anh Ye Sun J. Các bị cáo Fan G, Huỳnh Văn T1, Nguyễn Thanh V và Nguyễn Thành L3 là các đồng phạm thực hành, trực tiếp thực hiện hành vi bắt anh Ye Sun J trái pháp luật, trong đó bị cáo Nguyễn Thanh V có hành vi điều khiển xe ô tô chặn xe của anh Ye Sun J để các bị cáo Fan G, Huỳnh Văn T1 và Nguyễn Thành L3 dùng vũ lực lôi kéo, bắt anh Ye Sun J lên xe của bị cáo V để đồng bọn đe dọa buộc anh Ye Sun J phải chuyển tiền. Xét, giữa các bị cáo có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ, vai trò cụ thể và cùng thực hiện hành vi phạm tội dưới sự chỉ đạo của bị cáo Ma

C, thể hiện sự câu kết chặt chẽ với nhau nên hành vi của các bị cáo thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức.

Hành vi của các bị cáo Ma C, Fan G, Li C1, Lê Thị Bích X1, Huỳnh Văn T1, Nguyễn Thanh V, Nguyễn Thành L3 và Trần Sinh P đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Bắt người trái pháp luật*” thuộc trường hợp “*Có tổ chức*”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 157 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.3] Vào cùng ngày 27/02/2025 tại khu vực xã M, huyện Đ, tỉnh Long An, các bị cáo Ma C, Fan G và Li C1 đã có hành vi dùng dao, búa đe dọa, uy hiếp tinh thần nhằm buộc anh Ye Sun J phải chuyển số tiền 10.000.000 USDT, nhưng do anh Ye Sun J không có đủ tiền nên các bị cáo thống nhất giảm xuống số tiền 5.000.000 USDT, đồng thời yêu cầu anh J chuyển trước số tiền 2.000.000 USDT, còn lại 3.000.000 USDT sẽ chuyển sau. Sau đó, anh Ye Sun J đã nhờ người thân và bạn bè chuyển số tiền 200.000 USDT. Sau khi chiếm đoạt tài sản trên, các bị cáo Ma C, Fan G, Li C1 và Huỳnh Văn T1 tiếp tục đưa anh Ye Sun J đến bãi đất trống gần đường T, xã X, huyện H và thực hiện hành vi dùng vũ lực, đe dọa buộc anh Ye Sun J phải nhờ người thân và bạn bè chuyển thêm số tiền 400.000 USDT. Như vậy, các bị cáo Ma C, Fan G, Li C1 và Huỳnh Văn T1 đã có hành vi dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực uy hiếp tinh thần của anh Ye Sun J nhằm chiếm đoạt số tiền 600.000 USDT. Đối với bị cáo Lê Thị Bích X1 tuy không tham gia việc đe dọa cưỡng đoạt tài sản của anh Ye Sun J, nhưng bị cáo biết các bị cáo này thực hiện hành vi phạm tội nên phải chịu trách nhiệm hình sự chung với các bị cáo Ma C, Li C1, Fan G và Huỳnh Văn T1, với vai trò giúp sức về mặt tinh thần. Đối với hành vi này, các bị cáo không có sự bàn bạc, thống nhất về số tiền chiếm đoạt, không biết thực tế bị hại đã chuyển bao nhiêu tiền và chuyển vào tài khoản nào, mà do bị hại trực tiếp trao đổi với chủ nợ qua điện thoại nên hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Theo Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính Phủ; Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính Phủ và Công văn số 5747/NHNN-PC ngày 21/7/2017 của Ngân hàng N2 xác định “*Tiền ảo nói chung và B, L6, USDT nói riêng không phải là phương tiện Thanh toán theo quy định của pháp luật Việt Nam*”.

Hành vi của các bị cáo Ma C, Fan G, Li C1, Huỳnh Văn T1 và Lê Thị Bích X1 đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể của người khác, hành vi của các bị cáo Ma C, Fan G, Li C1, Huỳnh Văn T1 và Lê Thị Bích X1 còn xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, gây mất an ninh, trật tự và an toàn xã hội tại địa phương. Các bị cáo đều là người trên 18 tuổi và không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự. Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt tù tương xứng, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để giáo dục, răn

đe và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cũng cân nhắc, xem xét đến vai trò cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo:

[4.1] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này, số tiền các bị cáo nhằm chiếm đoạt là 5.000.000 USDT, tuy nhiên các bị cáo chỉ mới chiếm đoạt được 600.000 USDT (200.000 USDT + 400.000 USDT), nên các bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4.2] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo nên đều được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đối với tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm u khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự mà các Luật sư đề nghị áp dụng cho các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị hại thực hiện hành vi phạm tội tại Trung Quốc và đã bị cơ quan chức năng ở Việt Nam trục xuất về Trung Quốc, các bị cáo thực hiện hành vi vi phạm pháp luật tại Việt Nam không phải vì có động cơ giúp cơ quan tiến hành tố tụng phát hiện, ngăn chặn truy bắt tội phạm khác nên Hội đồng xét xử không chấp nhận áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho các bị cáo.

[4.3] Về nhân thân: Các bị cáo đều phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự nên được xem là người có nhân thân tốt khi quyết định hình phạt theo quy định tại Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, anh Ye Sun J yêu cầu bị cáo Ma C và đồng phạm trả lại số tiền 600.000 USDT. Hội đồng xét xử xét thấy việc bị hại chuyển tiền USDT như thế nào là do bị hại trao đổi trực tiếp bằng điện thoại với chủ nợ, các bị cáo không biết thực tế bị hại đã chuyển bao nhiêu tiền và chuyển vào tài khoản nào, các bị cáo không nắm giữ và sử dụng số tiền này; đồng thời, Cơ quan điều tra không xác minh được hiện nay số tiền USDT này ở đâu, không thu hồi được. Bên cạnh đó, do pháp luật Việt Nam chưa chấp nhận USDT và các loại tiền ảo tương tự khác là tiền tệ cũng như là phương tiện thanh toán hợp pháp nên không có căn cứ để xem xét buộc các bị cáo phải hoàn trả cho bị hại số tiền trên.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với các chiếc điện thoại thu giữ của các bị cáo Ma C cùng đồng phạm và 01 xe ô tô hiệu Hyundai màu trắng, biển số 77E-009.32 thu giữ của bị cáo Nguyễn Thanh V (xe do bị cáo V đứng tên) là các phương tiện mà các bị cáo sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với các vật chứng gồm: 01 chiếc búa đóng đinh, cán bằng gỗ; 01 chiếc kim cán bọc nhựa màu đỏ; 01 con dao là các công cụ mà các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 xe máy hiệu Honda Airblade, biển số 52Y6-1197 thu giữ của bị cáo Li C1. Kết quả xác minh chiếc xe trên do bà Nguyễn Thị Yên O1 (thường trú tại A khu phố C, phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh) là chủ sở hữu, tuy nhiên qua xác minh bà O1 không đăng ký thường trú và sinh sống tại địa chỉ trên, bị cáo Li C1 sử dụng làm phương tiện phạm tội. Do đó, thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trong vòng 06 tháng, nếu không ai mang giấy tờ chứng minh là chủ sở hữu của chiếc xe trên thì tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước.

[7] Lập luận trên đây cũng là căn cứ chấp nhận và không chấp nhận quan điểm luận tội của vị đại diện Viện kiểm sát cũng như luận cứ bào chữa của các luật sư và các bị cáo tại phiên tòa.

[8] Đối với các vấn đề khác:

[8.1] Đối với Lê Văn S và Nguyễn Văn V1 khai chỉ biết nhóm của X1 cần tìm người đi đòi nợ nên giới thiệu cho X1, nhưng S và V1 không tham gia, bàn bạc và không biết việc nhóm của Ma C bắt anh Ye Sun J để cưỡng đoạt tài sản, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H không xử lý. Do đó, căn cứ giới hạn của việc xét xử quy định tại Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

[8.2] Đối với Đỗ Ngọc T5 và Huang X2 hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H chưa làm việc, ghi lời khai làm rõ. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H đã tách vụ án để tiếp tục truy xét làm rõ để xử lý sau nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về kiến nghị: Hiện đồng tiền ảo vẫn chưa được pháp luật Việt Nam công nhận theo Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính Phủ; Nghị định số 80/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính Phủ; Công văn số 5747/NHNN-PC ngày 21/7/2017 của Ngân hàng N2 khẳng định “Tiền ảo nói chung và Bitcoin, Litecoin, USDT nói riêng không phải là phương tiện Thanh toán theo quy định của pháp luật Việt Nam. Việc phát hành cung ứng và sử dụng Tiền ảo nói chung và Bitcoin, Litecoin, USDT nói riêng làm phương tiện tiền tệ để thanh toán là hành vi bị cấm”. Các đối tượng trong vụ án này đã dựa vào cơ sở này để đòi tiền nạn nhân, do đó Hội đồng xét xử kiến nghị các Cơ quan có thẩm quyền có chế tài đối với các đối tượng lợi dụng việc này để chiếm đoạt tiền ảo của bị hại.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 157; khoản 1 Điều 170; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58; Điều 50 và Điều 55 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1/ Xử phạt bị cáo **Ma C 03** (Ba) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Bắt người trái pháp luật”; 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù, về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội danh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 06 (Sáu) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2025.

2/ Xử phạt bị cáo **Li C1 03** (Ba) năm tù, về tội “Bắt người trái pháp luật”; 02 (Hai) năm tù, về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội danh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2025.

3/ Xử phạt bị cáo **Fan G 03** (Ba) năm tù, về tội “Bắt người trái pháp luật”; 02 (Hai) năm tù, về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội danh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 05 (Năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2025.

4/ Xử phạt bị cáo **Lê Thị Bích X1 03** (Ba) năm tù, về tội “Bắt người trái pháp luật”; 01 (Một) năm tù, về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội danh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2025.

5/ Xử phạt bị cáo **Huỳnh Văn T1 02** (Hai) năm tù, về tội “Bắt người trái pháp luật”; 01 (Một) năm tù, về tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Tổng hợp hình phạt của hai tội danh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2025.

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 157; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 58 và Điều 50 của Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

6/ Xử phạt bị cáo **Trần Sinh P 02** (Hai) năm tù, về tội “Bắt người trái pháp luật”. Thời hạn tù tính từ ngày 21/7/2025.

7/ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thanh V 02** (Hai) năm tù, về tội “Bắt người trái pháp luật”. Thời hạn tù tính từ ngày 02/3/2025.

8/ Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành L3 02** (Hai) năm tù, về tội “Bắt người trái pháp luật”. Thời hạn tù tính từ ngày 04/3/2025.

Căn cứ Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 chiếc búa đóng đinh, cán bằng gỗ; 01 con dao; 01 chiếc kìm cán bọc nhựa màu đỏ.

- Tịch thu, sung vào ngân sách Nhà nước:

+ 01 điện thoại Oppo A2 Pro G5. (không kiểm tra được đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong).

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone X. (Imei khay sim không có, không kiểm tra được đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong).

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone. (thực nhận 01 đtdd kiểu Iphone, Imei khay sim: ...63078, không kiểm tra được đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong).

+ 01 điện thoại di động. (không kiểm tra được đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong).

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 14 Pro Max. (thực nhận 01 đtdd kiểu Iphone màu đen, Imei khay sim không có, không kiểm tra được đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong).

+ 01 điện thoại di động hiệu Huawei. (màn chảy nước, không kiểm tra được đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong).

+ 01 điện thoại di động hiệu Iphone 12. (thực nhận 01 đtdd kiểu Iphone màu đen, Imei khay sim :...8580317, không kiểm tra được đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong).

+ 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno, màu xanh. (không kiểm tra được đời máy, Imei do không có nguồn điện, không kiểm tra được tình trạng máy móc bên trong).

+ 01 xe ô tô hiệu Huyndai màu trắng, biển số 77E-009.32 (*Theo Công văn số 2766/THADS-TCKT ngày 13/5/2026 của Thị hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh*)

- Thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng trong vòng 06 tháng, nếu không ai mang giấy tờ chứng minh là chủ sở hữu của xe hai bánh gắn máy; Nhãn hiệu: Honda; Số loại: Airblade; Dung tích xi lanh: 108cm³; BS: 52Y6-1197; SK: RLH.JF18017Y527441 (số cà mờ, rỉ sét); SM: JF18E5027516 (không gương, dàn nhựa bể, xe cũ rỉ sét, máy móc bên trong không kiểm tra được), thì tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

(*Theo biên bản giao nhận tang tài vật số NK2026/248 ngày 30/01/2026 của Thị hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh*)

Kiến nghị các Cơ quan có thẩm quyền có chế tài đối với các đối tượng lợi dụng việc đồng tiền ảo vẫn chưa được pháp luật Việt Nam công nhận để chiếm đoạt tiền ảo của bị hại Ye S.

Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm, để sung vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo:

- Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận;

- TAND Tối cao; (1)
- VKSND TPHCM; (3)
- CQ THAHS CA.TP.HCM (8)
- CQCSĐT – CA.TP.HCM; (1)
- Trại tạm giam Chí Hòa; (8)
- Bị cáo; (8)
- THADS TPHCM; (1)
- Đương sự; (2)
- Luật sư (2)
- P. PV06 - CA TPHCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (8)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ. (47) (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Giang

